

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 122/CBTT-TRC

Bà Rịa, ngày 14 tháng 03 năm 2023.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

- Mã chứng khoán: **TNC**

- Địa chỉ: Số 256, đường 27/4, P. Phước Hưng, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng
Tàu

- Điện thoại liên hệ: 02543.823119

Fax: 02543.823120

- E-mail: thongnhat.trc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Giải trình chênh lệch giữa báo cáo tài chính năm 2022 Công ty lập với Báo cáo tài chính năm 2022 đã được soát xét.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/03/2023 tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Giải trình số 119 / TRC-TCKT
ngày 14/03/2023.

**Đại diện tổ chức
Người ủy quyền công bố thông tin**



Nguyễn Nhật Thành Lâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 11.9/TRC-TCKT

V/v giải trình chênh lệch giữa BCTC năm 2022 do công ty lập và Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán.

Bà Rịa, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Cao Su Thống Nhất xin giải trình Báo cáo Tài chính năm 2022 được Công ty lập thay đổi so với Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán như sau:

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 Chưa kiểm toán	Năm 2022 Đã kiểm toán	Thay đổi
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	224.301.703.447	242.318.067.447	18.016.364.000
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	147.000.000.000	165.000.000.000	18.000.000.000
	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(4.933.188.935)	(4.916.824.935)	16.364.000
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	179.691.555.908	161.691.555.908	(18.000.000.000)
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	21.700.000.000	3.700.000.000	(18.000.000.000)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)		403.993.259.355	404.009.623.355	16.364.000
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	60.216.742.646	60.237.278.484	20.535.838
	Nợ ngắn hạn	310	49.979.599.933	51.237.278.484	1.257.678.551
	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.647.543.577	5.557.999.963	(89.543.614)
	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	202.289.691	312.369.143	110.079.452
	Phải trả ngắn hạn khác	319	1.995.800.666	3.232.943.379	1.237.142.713
	Nợ dài hạn	330	10.237.142.713	9.000.000.000	(1.237.142.713)
	Phải trả dài hạn khác	337	10.237.142.713	9.000.000.000	(1.237.142.713)
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	343.776.516.709	343.772.344.871	(4.171.838)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	421a	3.986.071.157	4.005.105.033	19.033.876
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	51.816.433.898	51.793.228.184	(23.205.714)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(C+D)		403.993.259.355	404.009.623.355	16.364.000

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (Chưa kiểm toán)	Năm 2022 (đã kiểm toán)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	97.357.827.747	97.357.827.747	-	
2	Giá vốn hàng bán	75.294.661.865	75.252.364.250	42.297.615	
3	Lợi nhuận gộp	22.063.165.882	22.105.463.497	(42.297.615)	
4	Doanh thu hoạt động tài chính	32.892.020.950	32.892.020.950	-	
5	Chi phí tài chính	14.190.712	124.270.164	(110.079.452)	
6	Chi phí bán hàng	2.702.568.650	2.702.568.650		
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.673.803.211	9.657.439.211	16.364.000	
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	42.564.624.259	42.513.206.422	51.417.837	
9	Thu nhập khác	19.531.114.191	19.476.875.209	54.238.982	
10	Chi phí khác	4.479.372.446	4.425.133.464	54.238.982	
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.616.366.004	57.564.948.167	51.417.837	
12	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.799.932.106	5.771.719.983	28.212.123	
13	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.816.433.898	51.793.228.184	23.205.714	

Nguyên nhân thay đổi :

I > BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

A. Tài sản ngắn hạn tăng : 18.016.364.000 ,đồng.

- Đầu tư nắm giữ ngày đáo hạn (Mã số 123) tăng 18.000.000.000,đồng . Nguyên nhân là do phân loại lại tài khoản .

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Mã số 137) giảm 16.364.000, đồng. Nguyên nhân là do hạch toán thiếu bút toán hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi .

B. Tài sản dài hạn giảm : (18.000.000.000) đồng

- Đầu tư nắm giữ ngày đáo hạn (Mã số 255) giảm 18.000.000.000,đồng . Nguyên nhân là do phân loại lại tài khoản .

C. Nợ phải trả tăng : 20.535.838 đồng

Trong đó :

* Nợ ngắn hạn tăng : 1.257.678.551,đồng

- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 313) giảm 89.543.614,đồng. Nguyên nhân là do tính lại thuế TNDN phải nộp.

- Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 315) tăng 110.079.452, đồng . Nguyên nhân là do tính trước tiền lãi vay đến ngày 31/12/2022.

- Phải trả ngắn hạn khác (Mã số 319) tăng 1.237.142.713, đồng . Nguyên nhân là do phân loại lại tài khoản.

* Nợ dài hạn giảm: 1.237.142.713 đồng .

- Phải trả dài hạn khác (Mã số 337) giảm 1.237.142.713 đồng .Nguyên nhân là do phân loại lại tài khoản.

D. Vốn chủ sở hữu giảm : 4.171.838, đồng

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421a) tăng : 19.033.876,đồng. Nguyên nhân là phân loại và điều chỉnh lại bút toán theo biên bản kiểm toán Nhà Nước.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421b) giảm : 23.205.714,đồng. Nguyên nhân tính lại chi phí lãi vay và thuế GTGT được khấu trừ và không được khấu trừ.

II > . BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Doanh thu thuần : không thay đổi

- Giá vốn hàng bán giảm : 42.297.615 đồng. Nguyên nhân do phân bổ lại thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu.

- Lợi nhuận gộp tăng 42.297.615 đồng. Nguyên nhân do phân bổ lại thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu.

- Doanh thu hoạt động tài chính : không thay đổi

- Chi phí tài chính tăng : 110.079.452 đồng. Nguyên nhân là tính trước tiền lãi vay đến ngày 31/12/2022.

- Chi phí bán hàng : không thay đổi

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 16.364.000 đồng. Nguyên nhân do hạch toán thiếu bút toán hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi .

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm : 51.417.837,đồng . Do tính trước chi phí lãi vay và điều chỉnh lại thuế GTGT được khấu trừ và không được khấu trừ.

- Thu nhập khác giảm: 54.238.982, đồng. Nguyên nhân giảm giá trị còn lại của tài sản thanh lý .
- Chi phí khác giảm: 54.238.982, đồng. Nguyên nhân giảm giá trị còn lại của tài sản thanh lý .
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm : 51.417.837 đồng . Nguyên nhân là do thu được nợ khách hàng đã lập dự phòng phải thu, điều chỉnh thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, tính trước lãi vay đến ngày 31/12/2022.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giảm : 28.212.123 đồng . Do tính trước chi phí lãi vay và điều chỉnh lại thuế GTGT được khấu trừ và không được khấu trừ.
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm: 23.205.714 đồng.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Cao Su Thống Nhất, kính báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh được biết./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;l
- Lưu KTTV, VT(Trình 1b)



Nguyễn Nhật Thành Lâm